

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20 /2023/HNGĐ-ST.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023.

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Linh và bà Phan Thị Ánh Duyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn H Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân S thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương S:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc H - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu X, xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Chi M, sinh năm 2010. Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh P.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Chi M: Bà Hà Thị S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh P.

(Anh H có mặt; Chị H, cháu M, bà S đều xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị H là vợ chồng nH đã được TAND huyện Cẩm Khê giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 128 ngày 29/9/2020. Do anh và chị H chỉ yêu cầu giải quyết về ly hôn và con chung, không đề nghị giải quyết về tài sản nên tòa án huyện Cẩm Khê chưa giải quyết về tài sản. Thực tế anh và chị H có tài sản chung là thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²) địa chỉ ở khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh và chị H. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ anh cho riêng anh và chị H, không liên quan đến cháu M, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh và chị H nên đến nay là tài sản chung của anh và chị H. Thời

điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ khẩu của vợ chồng chị gồm có chị, anh H và cháu M, ngoài ra không có ai khác. Ngày 13/3/2023 Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê cùng Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Cẩm Khê tiến hành xem xét thẩm định, định giá, đo đạc thửa đất trên, anh hoàn toàn nhất trí với kết quả đó. Thửa đất trị giá 249.440.000đ (Trong đó đất ONT 100m² có trị giá 2.000.000đ/1m² bằng 200.000.000đ; đất LNK: 329,6m² có trị giá 150.000đ/1m² bằng 49.440.000đ), anh hoàn toàn nhất trí. Anh đề nghị được sở hữu, sử dụng toàn bộ thửa đất trên và nhất trí thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất là 124.720.000đ.

Trên đất còn có tài sản là: 01 nhà xây cấp bốn; Hiên cạnh nhà ; Hiên sau nhà ; Chuồng lợn ; Sân ; 01 cây sấu đường kính thân 30cm ; 01 cây sấu đường kính thân 15 cm ; 01 cây xoài đường kính thân 20 cm ; 01 cây ổi đường kính thân 10 cm ; 01 đoạn tường rào dài 10,92m ; 01 đoạn tường rào dài 37,43m. Đây là tài sản riêng của anh có sau khi ly hôn với chị H, không liên quan đến chị H nên anh đề nghị tiếp tục được sở hữu, sử dụng toàn bộ số tài sản này.

Ngoài ra còn có 02 đoạn tường rào anh xây dựng ngoài thửa đất 299, anh không đề nghị xem xét giải quyết. Đối với việc cháu M đề nghị bà Hà Thị S là người đại diện cho cháu M, anh nhất trí không có ý kiến gì.

2, Phía bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H là vợ chồng đã được TAND huyện Cẩm Khê giải quyết ly hôn. Khi ly hôn anh chị không đề nghị tòa án giải quyết về tài sản. Nay anh H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, chị xác nhận chị và anh H có tài sản chung là thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²) địa chỉ ở khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh H và chị. Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ anh H cho riêng vợ chồng chị, không liên quan gì đến cháu M. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ khẩu của vợ chồng chị gồm có chị, anh H và cháu M, ngoài ra không có ai khác. Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thửa đất trị giá 249.440.000đ chị hoàn toàn nhất trí. Chị đề nghị giao thửa đất trên cho anh H được sở hữu sử dụng, chị yêu cầu anh H thanh toán chênh lệch tài sản cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất bằng tiền. Đối với toàn bộ tài sản trên đất chị xác nhận là tài sản riêng của anh H, không liên quan đến chị nên chị không có yêu cầu đề nghị gì.

3, Tại bản tự khai tại Tòa án, cháu Nguyễn Chi M trình bày: Cháu là con của bố H và mẹ H. Bố mẹ cháu đã được TAND huyện Cẩm Khê giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 128 ngày 29/9/2020, cháu được Tòa án giao ở với mẹ. Hiện bố cháu đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn thì quan điểm của cháu như sau: Cháu được biết thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²) địa chỉ ở khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên hộ ông H, bà H. Thửa đất trên có nguồn gốc của ông bà nội cháu cho riêng bố mẹ cháu khi cháu còn nhỏ, đến nay cháu không có đóng góp gì đối với thửa đất trên nên thửa đất trên là tài sản của bố mẹ cháu, không liên quan gì đến cháu, còn toàn bộ tài sản trên đất là tài sản riêng của bố cháu nên cháu không có yêu cầu đề nghị gì. Cháu đề nghị vì mẹ cháu đi làm xa nhà nên cháu đề nghị bà ngoại là bà Hà Thị S làm đại diện cho cháu.

4, *Phía bà Hà Thị S, mẹ đẻ chị Nguyễn Thị H trình bày:* Anh H và chị H là vợ chồng nH đã được TAND huyện Cẩm Khê giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 128 ngày 29/9/2020. Tại quyết định ly hôn anh chị không yêu cầu giải quyết về tài sản nH thực tế anh chị có tài sản chung là thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²) địa chỉ ở khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh H và chị H. Nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ đẻ anh H cho anh H chị H, còn toàn bộ tài sản trên đất là tài sản riêng của anh H. Chị H đi làm ăn ở Đồng Nai nên cháu M ở cùng bà, do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay anh H đề nghị tòa án giải quyết chia tài sản chung, cháu M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có yêu cầu bà là đại diện hợp pháp cho cháu, chị H cũng nhất trí đề bà là người đại diện hợp pháp cho cháu M nên bà cũng nhất trí là người đại diện hợp pháp cho cháu M, bà cam đoan thực hiện đúng quy định pháp luật. Bà hoàn toàn nhất trí với quan điểm của chị H và cháu M.

5, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2023 bà Nguyễn Thị Thanh Đ, ông Nguyễn Tiến T (là bố mẹ đẻ anh H) trình bày:* Chị H và anh H kết hôn với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng vợ chồng ông bà tại khu X, xã Yên Dưỡng được hai năm thì anh chị ra ở riêng tại thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100m², LNK 329,6m²) địa chỉ ở khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê. Nguồn gốc thửa đất trên là của vợ chồng ông bà, năm 2012 thì vợ chồng ông bà chuyển nhượng tặng cho anh H chị H. Ngày 05/10/2012 anh H chị H được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất đứng tên anh H chị H. Trên đất có 01 nhà cấp bốn cũ. Khi anh H chị H ra ở riêng thì ở trên ngôi nhà cũ này. Năm 2020 sau khi anh chị ly hôn thì anh H có làm 01 nhà cấp bốn ba gian và các công trình phụ trên đất như hiện nay anh H đang sử dụng và dỡ nhà cũ đi. Ông bà xác nhận diện tích đất trên ông bà đã cho anh H chị H, đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất đứng tên anh H chị H nên thuộc quyền sở hữu sử dụng của anh chị, ông bà không có tranh chấp, không có yêu cầu đề nghị gì. Hộ anh H chị H thời điểm năm 2012 có anh H, chị H và cháu Nguyễn Chi M (là con gái của anh chị). Cháu M còn nhỏ không có đóng góp công sức gì đối với tài sản trên. Vợ chồng ông bà cho anh H chị H không liên quan gì đến cháu M, không cho cháu M. Do không liên quan gì đến tài sản nhà đất trên nên ông bà đề nghị tòa án không đưa ông bà tham gia tố tụng trong vụ án.

6, *Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản, sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 13/3/2023 thể hiện:* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 địa chỉ ở khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCN số BK310753 ngày 05/10/2012 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H. Tại buổi xem xét thẩm định đương S đã chỉ mốc giới, hiện trạng sử dụng đất, đo đạc xác định cụ thể: thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 có diện tích 429,6m² gồm các cạnh: Phía Tây giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị Nhâm, gồm các điểm 1-2 = 10,92m; Phía Bắc giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị Nhâm, gồm các điểm 2-3 = 7,92m, 3-4 = 8,65m, 4-5 = 8,56m, 5-6 = 3,20m, 6-7 = 9,10m; Phía Đông giáp đường giao thông liên khu, gồm các điểm 7 – 8 = 5,18m, 8-9 = 8,58m; Phía Nam giáp đường

giao thông liên khu, gồm các điểm 9-10 = 11,84m, 10-11 = 10,60m, 11-1 = 13,14m. (Có sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 13/3/2023 kèm theo).

Trên đất còn có tài sản là: 01 nhà xây cấp bốn; Hiên cạnh nhà ; Hiên sau nhà ; Chuồng lợn ; Sân ; 01 cây sấu đường kính thân 30cm ; 01 cây sấu đường kính thân 15 cm ; 01 cây xoài đường kính thân 20 cm ; 01 cây ổi đường kính thân 10 cm ; 01 đoạn tường rào dài 10,92m ; 01 đoạn tường rào dài 37,43m. Ngoài ra còn có 02 đoạn tường rào xây dựng ngoài thửa đất 299, anh H không đề nghị xem xét giải quyết.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 13/3/2023: Thửa đất trị giá 249.440.000đ (Trong đó đất ONT 100m² có trị giá 2.000.000đ/1m² bằng 200.000.000đ; đất LNK: 329,6m² có trị giá 150.000đ/1m² bằng 49.440.000đ)

7, *Tại biên bản xác minh ngày 13/3/2023 đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị H và anh H đăng kết hôn năm 2009 tại UBND xã Yên Dương. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H tại khu 6 (nay là khu X) xã Yên Dương đến năm 2012 thì ra ở riêng tại thửa số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m². Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ anh H là bà Nguyễn Thị Thanh Đũa ông Nguyễn Tiến T tặng cho anh H chị H. Ngày 05/10/2012 anh H chị H được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSDĐ đứng tên anh H chị H nên đến nay thửa đất trên thuộc sở hữu của anh H chị H. Khi ông Túc bà Điều mua thửa đất trên thì trên thửa đất có 01 nhà cấp 4 cũ. Anh chị ở trên ngôi nhà cũ. Ngày 29/9/2020 anh chị được TAND huyện Cẩm Khê giải quyết ly hôn theo Quyết định số 128 ngày 29/9/2020. Sau khi ly hôn thì anh H xây dựng nhà và công trình phụ, trồng cây cối và quản lý toàn bộ số tài sản này, ngôi nhà cũ anh H đã dỡ đi. Hộ anh H chị H năm 2012 gồm có anh H, chị H và cháu M, ngoài ra không có thành viên nào khác. Ngoài cháu M anh chị cũng không có người con nào khác. Nay anh H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

8, *Tại biên bản xác minh ngày 13/3/2023 đại diện công an xã Yên Dương cung cấp:* Thời điểm năm 2012, hộ anh Nguyễn Ngọc H gồm anh H, chị H và cháu M. Đến ngày 13/10/2020 chị H và cháu M chuyển khẩu về hộ ông Nguyễn Tiến Thức bà Hà Thị S, là bố mẹ đẻ chị H tại Khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh P

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ điều 29; điều 33; điều 44; điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 147; khoản 4 điều 207 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H.

Về tài sản chung: Xác nhận anh H chị H có tài sản chung là thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²) địa chỉ tại khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh H và chị H gồm các cạnh: Phía Tây giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị Nhâm, gồm các điểm 1-2 = 10,92m; Phía Bắc giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị Nhâm, gồm

các điểm 2-3 = 7,92m, 3-4 = 8,65m, 4-5 = 8,56m, 5-6 = 3,20m, 6-7 = 9,10m; Phía Đông giáp đường giao thông liên khu, gồm các điểm 7 – 8 = 5,18m, 8-9 = 8,58m; Phía Nam giáp đường giao thông liên khu, gồm các điểm 9-10 = 11,84m, 10-11 = 10,60m, 11-1 = 13,14m. (Có sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 13/3/2023 kèm theo), trị giá 249.440.000đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được quyền sử dụng thửa đất trên. Anh H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 124.720.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người pH thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân S.

Về tài sản riêng: Xác nhận anh H có các tài sản riêng và tiếp tục được sở hữu, sử dụng các tài sản riêng có trên thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²), địa chỉ tại khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 gồm: 01 nhà xây cấp bốn; Hiên cạnh nhà ; Hiên sau nhà ; Chuồng lợn ; Sân ; 01 cây sấu đường kính thân 30cm ; 01 cây sấu đường kính thân 15 cm ; 01 cây xoài đường kính thân 20 cm ; 01 cây ổi đường kính thân 10 cm ; 01 đoạn tường rào dài 10,92m ; 01 đoạn tường rào dài 37,43m .

Đối với 02 đoạn tường rào anh H xây dựng ngoài thửa đất 299, anh H không đề nghị xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc: Nguyên đơn anh H đã nộp đủ và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về án phí: Anh H, chị H pH chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân S:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị H có hộ khẩu thường trú tại Khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh P. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân S thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về S vắng mặt của chị H, cháu M, bà S: Chị H, cháu M, bà S có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân S, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt chị H, cháu M, bà S.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về tài sản chung: Anh H chị H đều xác nhận quá trình chung sống là vợ chồng anh chị có tài sản chung là thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²), địa chỉ tại khu 6 (nay là khu X), xã Yên

Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh H và chị H. Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ anh H cho riêng anh chị nên thuộc sở hữu của anh chị, không liên quan đến cháu M hay ai khác. Ngoài ra anh chị đều xác nhận không có tài sản chung nào khác. Anh H chị H nhất trí giá trị thửa đất theo biên bản xem xét thẩm định, định giá tài sản ngày 13/3/2023 là 249.440.000đ (Trong đó đất ONT 100m² có trị giá 2.000.000đ/1m² bằng 200.000.000đ; đất LNK: 329,6m² có trị giá 150.000đ/1m² bằng 49.440.000đ). Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh H chị H về việc xác định anh chị có tài sản chung là thửa đất trên là có căn cứ vì qua thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Yên Dưỡng, lời khai của bố mẹ anh H, lời khai của cháu M và bà H đều xác định thửa đất trên là tài sản chung của anh H, chị H. Phía anh H đề nghị được sử dụng toàn bộ thửa đất trên và anh nhất trí thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất là 124.720.000đ. Phía chị H đề nghị giao thửa đất trên cho anh H được sử dụng, chị H yêu cầu anh H thanh toán chênh lệch tài sản cho chị $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất bằng tiền. Yêu cầu của anh chị là phù hợp cần chấp nhận.

[2.2]. Về các tài sản trên đất: Quá trình giải quyết vụ án ngày 13/3/2023 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tài sản xác định trên thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²), địa chỉ tại khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh H và chị H có các tài sản gồm: 01 nhà xây cấp bốn; Hiên cạnh nhà ; Hiên sau nhà ; Chuồng lợn ; Sân ; 01 cây sấu đường kính thân 30cm ; 01 cây sấu đường kính thân 15 cm ; 01 cây xoài đường kính thân 20 cm ; 01 cây ổi đường kính thân 10 cm ; 01 đoạn tường rào dài 10,92m ; 01 đoạn tường rào dài 37,43m. Các đương S đều xác nhận đây là tài sản riêng của anh H có sau khi ly hôn với chị H nên không có yêu cầu đề nghị gì. Vì vậy cần xác định đó là tài sản riêng của anh H, giao cho anh H được sở hữu sử dụng là phù hợp.

[2.3]. Đối với 02 đoạn tường rào anh H xây dựng ngoài thửa đất 299, anh H không đề nghị xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc: Nguyên đơn anh H đã nộp đủ và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh H, chị H pH chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 29; khoản 1 điều 33; khoản 1 điều 44; khoản 3, 4 điều 59; điểm c Khoản 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 2 điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thị H.

[1.1]. Về tài sản chung: Xác nhận anh H chị H có tài sản chung là thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²) địa chỉ tại khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 đứng tên anh H và chị H gồm các cạnh: Phía Tây giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị Nhâm, gồm các điểm 1-2 = 10,92m; Phía Bắc giáp đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị Nhâm, gồm các điểm 2-3 = 7,92m, 3-4 = 8,65m, 4-5 = 8,56m, 5-6 = 3,20m, 6-7 = 9,10m; Phía Đông giáp đường giao thông liên khu, gồm các điểm 7 – 8 = 5,18m, 8-9 = 8,58m; Phía Nam giáp đường giao thông liên khu, gồm các điểm 9-10 = 11,84m, 10-11 = 10,60m, 11-1 = 13,14m. (Có sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 13/3/2023 kèm theo), trị giá 249.440.000đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được sử dụng thửa đất trên. Anh H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên anh H theo quy định của pháp luật. Anh H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 124.720.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người pH thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân S.

[1.2]. Về tài sản riêng: Xác nhận anh H có các tài sản riêng và tiếp tục được sở hữu, sử dụng các tài sản riêng có trên thửa đất số 299 tờ bản đồ số 19 diện tích 429,6m² (Trong đó đất ONT 100 m², đất LNK 329,6m²), địa chỉ tại khu 6 (nay là khu X), xã Yên Dương, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Đất đã được UBND huyện Cẩm Khê cấp GCNQSD đất ngày 05/10/2012 gồm: 01 nhà xây cấp bốn; Hiên cạnh nhà ; Hiên sau nhà ; Chuồng lợn ; Sân ; 01 cây sấu đường kính thân 30cm ; 01 cây sấu đường kính thân 15 cm ; 01 cây xoài đường kính thân 20 cm ; 01 cây ổi đường kính thân 10 cm ; 01 đoạn tường rào dài 10,92m ; 01 đoạn tường rào dài 37,43m .

[1.3]. Đối với 02 đoạn tường rào anh H xây dựng ngoài thửa đất 299, anh H không đề nghị xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đạc: Nguyên đơn anh H đã nộp đủ và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H pH chịu 6.236.000đ (Sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn. Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007842 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân S huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Anh H còn pH nộp 5.936.000đ (Năm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị H pH chịu 6.236.000đ (Sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H, cháu M, bà S quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương S
- UBND xã Yên Dương;
- Thi hành án dân S;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền